

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-29
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-29
Phụ lục 01: Danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn	30-34



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung. (Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 27/GPDC-UBCK cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 600 tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sơn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Tuyển	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lại Thị Sen	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Linh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Duyệt báo cáo đính chính và dự đoán hợp lý và thận trọng:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

05 - C
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM
AA
OÀN



Số: 1260 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với khoản phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ và phải thu về tiền lãi theo hợp đồng dịch vụ tại ngày 31/12/2014 và ngày 30/06/2015 với cùng số tiền lần lượt là 41.596.281.542 đồng và 1.503.600.000 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thu thập được đủ bằng chứng về cơ sở trích lập số dự phòng phải thu khó đòi này cũng như không đánh giá được mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng như mô tả ở đoạn trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán số 1010/VNA1-HN-BC ngày 30 tháng 03 năm 2015 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc chưa thu thập được đủ bằng chứng về cơ sở trích lập dự phòng khoản giao dịch ký quỹ và lãi phải thu theo hợp đồng dịch vụ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		735.175.807.911	771.758.259.664
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	202.344.741.369	377.272.511.351
111	1. Tiền		132.041.421.252	227.272.511.351
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.303.320.117	150.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	32.691.566.628	32.593.730.204
121	1. Đầu tư ngắn hạn		33.144.826.628	32.627.027.904
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(453.260.000)	(33.297.700)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	499.175.720.433	361.095.999.987
131	1. Phải thu của khách hàng		267.500.000	778.905.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.248.200.000	933.095.313
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		535.610.656.509	397.343.841.901
138	5. Các khoản phải thu khác		5.203.495.466	5.361.089.315
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.154.131.542)	(43.320.931.542)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		963.779.481	796.018.122
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		799.216.400	607.533.952
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		164.563.081	188.484.170
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.071.419.826	18.805.748.946
220	II. Tài sản cố định		9.580.346.507	11.193.677.206
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	5.025.653.064	5.986.211.841
222	- Nguyên giá		15.327.992.800	15.706.822.833
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.302.339.736)	(9.720.610.992)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	4.554.693.443	5.207.465.365
228	- Nguyên giá		10.076.718.497	10.076.718.497
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.522.025.054)	(4.869.253.132)
260	V. Tài sản dài hạn khác		10.491.073.319	7.612.071.740
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.440.160.945	2.211.802.366
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	9	6.796.112.048	4.296.112.048
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.254.800.326	1.104.157.326
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		755.247.227.737	790.564.008.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		125.664.158.845	167.780.457.443
310	I. Nợ ngắn hạn		125.664.158.845	167.780.457.443
312	2. Phải trả người bán		138.644.596	701.419.941
313	3. Người mua trả tiền trước		450.000.000	843.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.200.555.109	2.494.513.975
315	5. Phải trả người lao động		1.578.661.713	6.968.932.959
316	6. Chi phí phải trả	11	800.470.500	746.472.544
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	116.311.749.861	153.970.752.649
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	972.219.496	1.255.082.503
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.724.089.598	14.400
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.487.767.972	800.268.472
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		629.583.068.892	622.783.551.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	629.583.068.892	622.783.551.167
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.893.448.265	3.803.948.265
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.029.118.053	3.939.618.053
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.660.502.574	15.039.984.849
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		755.247.227.737	790.564.008.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

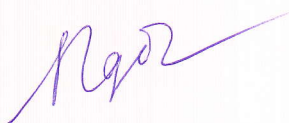
Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

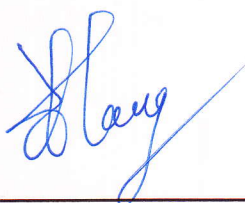
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký		3.747.109.260.000	10.070.648.290.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.883.646.740.000	9.196.481.690.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		15.069.980.000	14.713.560.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.866.684.760.000	9.179.876.130.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.892.000.000	1.892.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		7.178.950.000	13.722.890.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		7.178.950.000	13.722.890.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		767.484.800.000	742.984.800.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		767.484.800.000	742.984.800.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		87.253.910.000	115.724.000.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	2.600.100.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		87.253.910.000	113.123.900.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		1.544.860.000	1.734.910.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		1.544.860.000	30.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	1.734.880.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		103.280.430.000	98.050.840.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		103.280.430.000	98.050.840.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.550.000	1.210.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		103.278.880.000	98.049.630.000



Nguyễn Thanh Nga
Người lập



Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	15	38.613.202.070	96.868.424.967
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.336.121.940	29.082.352.690
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		8.616.317.024	10.573.564.900
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.007.157.096	676.545.456
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.131.406.269	1.623.113.509
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	28.240.467
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	46.023.021
01.9	Doanh thu khác		18.522.199.741	54.838.584.924
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	15	38.613.202.070	96.868.424.967
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	19.496.707.339	54.931.748.237
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		19.116.494.731	41.936.676.730
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	9.267.144.946	10.691.221.758
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.849.349.785	31.245.454.972
31	8. Thu nhập khác		327.195.455	2.850.000
32	9. Chi phí khác		326.698.834	-
40	10. Lợi nhuận khác		496.621	2.850.000
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.849.846.406	31.248.304.972
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	2.002.328.681	6.085.199.306
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.847.517.725	25.163.105.666
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	131	839

Nguyễn Thanh Nga
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.849.846.406	31.248.304.972
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.613.330.699	1.969.441.733
03	- Các khoản dự phòng		253.162.300	(10.790.943.893)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.217.949.858)	(1.910.805.753)
06	- Chi phí lãi vay		-	18.107.312.492
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.498.389.547	38.623.309.551
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(140.525.168.801)	(201.338.800.663)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(517.798.724)	3.473.485.490
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(42.687.299.837)	181.827.956.529
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		579.958.973	(1.141.069.281)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(19.099.144.167)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.118.826.942)	(2.169.160.722)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.511.143.500)	(4.027.070.314)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(179.281.889.284)	(3.850.493.577)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(624.187.541)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.354.119.302	1.910.805.753
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.354.119.302	1.286.618.212
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	268.200.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(195.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	73.200.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(174.927.769.982)	70.636.124.635
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		377.272.511.351	229.996.638.112
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>202.344.741.369</u>	<u>300.632.762.747</u>


Nguyễn Thanh Nga
Người lập


Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng


Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

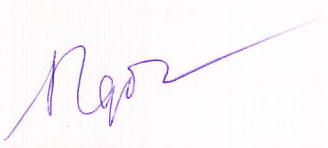
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

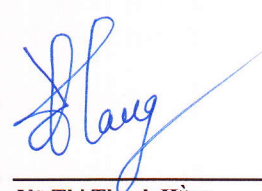
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 tháng đầu năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2015
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	-	-	600.000.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	3.803.948.265	89.500.000	-	3.893.448.265
8.	Quỹ dự phòng tài chính	3.939.618.053	89.500.000	-	4.029.118.053
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.039.984.849	7.847.517.725	(1.227.000.000)	21.660.502.574
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	622.783.551.167	8.026.517.725	(1.227.000.000)	629.583.068.892

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01-01-14	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30-06-14
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	2.966.281.765	837.666.500	-	3.803.948.265
8.	Quỹ dự phòng tài chính	3.101.951.553	837.666.500	-	3.939.618.053
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.694.808.448	25.163.105.666	(4.439.999.500)	38.417.914.614
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	323.763.041.766	26.838.438.666	(4.439.999.500)	346.161.480.932


Nguyễn Thanh Nga
Người lập


Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng


Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung. (Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 27/GPDC-UBCK cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 600 tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc Công ty.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03-05 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi do không thu thập được giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất nên Công ty xác định giá trị thị trường là giá ngày giao dịch gần nhất trước khi bị hủy niêm yết;

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	10.309.462	247.366.119.200
- Cổ phiếu	10.309.462	247.366.119.200
- Trái phiếu	-	-
Của người đầu tư	505.853.829	11.442.217.592.123
- Cổ phiếu	451.351.883	5.440.255.514.700
- Trái phiếu	54.501.946	6.001.962.077.423
	516.163.291	11.689.583.711.323

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.094.195	25.806.658
Tiền gửi ngân hàng	16.634.843.778	74.977.186.475
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	53.798.169.279	132.727.006.218
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	61.606.314.000	19.542.512.000
Các khoản tương đương tiền (*)	70.303.320.117	150.000.000.000
	202.344.741.369	377.272.511.351

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2015 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4-6%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	33.144.826.628	32.627.027.904
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(453.260.000)	(33.297.700)
	32.691.566.628	32.593.730.204

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm so với giá trị thị trường của các khoản đầu tư được chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

g 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
ng Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015		Tổng số dư phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
Phải thu của khách hàng	778.905.000	397.500.000	957.372.802	1.468.777.802	267.500.000	77.500.000	54.250.000
- Phải thu dịch vụ tư vấn	778.905.000	397.500.000	957.372.802	1.468.777.802	267.500.000	77.500.000	54.250.000
Trả trước cho người bán	933.095.313	-	1.062.928.187	747.823.500	1.248.200.000	-	-
- Ứng trước hoạt động nghiệp vụ	933.095.313	-	929.778.187	747.823.500	1.115.050.000	-	-
- Ứng trước cung cấp hàng hóa dịch vụ	-	-	133.150.000	-	133.150.000	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng kho	397.343.841.901	133.920.351.759	1.738.486.949.592	1.600.220.134.984	535.610.656.509	247.298.321.082	41.596.281.542
- Phải thu khách hàng về giao dịch kỳ quỹ	386.202.320.451	133.920.351.759	985.104.364.498	868.775.618.571	502.531.066.378	247.298.321.082	41.596.281.542
- Phải thu khách hàng về giao dịch chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	11.141.521.450	-	753.382.585.094	731.444.516.413	33.079.590.131	-	-
Các khoản phải thu khác	5.361.089.315	5.012.424.384	30.026.761.732	30.184.355.581	5.203.495.466	5.012.424.384	1.503.600.000
- Bảo hiểm xã hội	-	-	1.105.495.000	1.104.390.000	1.105.000	-	-
- Phải thu tiền lãi theo hợp đồng dịch vụ mua Chứng khoán	5.012.424.384	5.012.424.384	-	-	5.012.424.384	5.012.424.384	1.503.600.000
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	321.891.667	-	2.682.459.869	2.818.629.313	185.722.223	-	-
- Phải thu khác	26.773.264	-	26.238.806.863	26.261.336.268	4.243.859	-	-
	404.416.931.529	139.330.276.143	1.770.534.012.313	1.632.621.091.867	542.329.851.975	252.388.245.466	43.154.131.542



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

ng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
ung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Tại ngày 01/01/2015	13.101.952.556	1.871.862.300	188.012.000	544.995.977	15.706.822.833				
Thanh lý, nhượng bán	(378.830.033)	-	-	-	(378.830.033)				
Tại ngày 30/06/2015	12.723.122.523	1.871.862.300	188.012.000	544.995.977	15.327.992.800				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Tại ngày 01/01/2015	7.936.116.012	1.165.911.755	188.012.000	430.571.225	9.720.610.992				
Trích khấu hao	768.852.461	155.988.525	-	35.717.791	960.558.777				
Thanh lý, nhượng bán	(378.830.033)	-	-	-	(378.830.033)				
Tại ngày 30/06/2015	8.326.138.440	1.321.900.280	188.012.000	466.289.016	10.302.339.736				
Giá trị còn lại									
Tại ngày 01/01/2015	5.165.836.544	705.950.545	-	114.424.752	5.986.211.841				
Tại ngày 30/06/2015	4.396.984.083	549.962.020	-	78.706.961	5.025.653.064				

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.734.555.955 đồng
- Chi tiết nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 01/01/2015 đã được phân loại lại so với số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo đúng danh mục tài sản cố định Công ty đang đối như sau:

	Máy móc thiết bị		Tài sản cố định khác	
	31/12/2014	01/01/2015	31/12/2014	01/01/2015
Nguyên giá	12.996.578.199	13.101.952.556	Chênh lệch	Chênh lệch
			105.374.357	(105.374.357)
Giá trị hao mòn lũy kế	7.925.619.876	7.936.116.012	441.067.364	(10.496.139)
			94.878.221	(94.878.218)
Giá trị còn lại	5.070.958.323	5.165.836.544	209.302.970	(94.878.218)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
Tại ngày 30/06/2015	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	1.047.027.818	3.822.225.314	4.869.253.132
Trích khấu hao	443.869.074	208.902.848	652.771.922
Tại ngày 30/06/2015	1.490.896.892	4.031.128.162	5.522.025.054
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	4.279.401.071	928.064.294	5.207.465.365
Tại ngày 30/06/2015	3.835.531.997	719.161.446	4.554.693.443

9 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.663.725.083	3.401.567.976
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.012.386.965	774.544.072
Số dư cuối kỳ	6.796.112.048	4.296.112.048

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	11.954.545	16.827.280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.167.290.902	1.283.789.163
Thuế Thu nhập cá nhân	1.021.309.662	1.193.897.532
	2.200.555.109	2.494.513.975

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chưa có hóa đơn	544.880.000	544.880.000
Phí lưu ký, phí chuyển khoản phải trả	151.000.000	-
Chi phí phải trả khác	104.590.500	201.592.544
	800.470.500	746.472.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	108.498.418	71.854.418
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	115.404.482.209	152.269.518.199
Các khoản phải trả, phải nộp khác	798.769.234	1.629.380.032
	<u>116.311.749.861</u>	<u>153.970.752.649</u>

13 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	421.417.211	639.689.561
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	550.802.285	615.392.942
	<u>972.219.496</u>	<u>1.255.082.503</u>

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
KẾ TÍNH TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2014					
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	2.966.281.765	3.101.951.553	17.694.808.448	323.763.041.766
Lãi trong kỳ	-	-	-	25.163.105.666	25.163.105.666
Phân phối lợi nhuận	-	837.666.500	837.666.500	(4.439.999.500)	(2.764.666.500)
Tại ngày 30/06/2014	300.000.000.000	3.803.948.265	3.939.618.053	38.417.914.614	346.161.480.932
6 tháng đầu năm 2015					
Tại ngày 01/01/2015	600.000.000.000	3.803.948.265	3.939.618.053	15.039.984.849	622.783.551.167
Lãi trong kỳ	-	-	-	7.847.517.725	7.847.517.725
Phân phối lợi nhuận	-	89.500.000	89.500.000	(1.227.000.000)	(1.048.000.000)
Tại ngày 30/06/2015	600.000.000.000	3.893.448.265	4.029.118.053	21.660.502.574	629.583.068.892

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày số 01/2015/ NQ-HDCC ngày 29/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	1.785.175.901
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,01%	89.500.000
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,01%	89.500.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	58,71%	1.048.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	31,27%	558.175.901



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	37,50%	225.000.000.000	37,50%	225.000.000.000
Ngân Hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	5,50%	33.000.000.000	5,50%	33.000.000.000
Ông Vũ Hồng Sơn	16,67%	100.000.000.000	16,67%	100.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	8,33%	50.000.000.000	8,33%	50.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32,00%	192.000.000.000	32,00%	192.000.000.000
	100%	600.000.000.000	100%	600.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	300.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	600.000.000.000	300.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	600.000.000.000	300.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

15 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu	38.613.202.070	96.868.424.967
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.336.121.940	29.082.352.690
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	8.616.317.024	10.573.564.900
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.007.157.096	676.545.456
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.131.406.269	1.623.113.509
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	28.240.467
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	46.023.021
- Doanh thu khác	18.522.199.741	54.838.584.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	38.613.202.070	96.868.424.967

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.434.955.627	6.476.488.365
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.221.972.583	8.785.760.255
Chi phí hoạt động tư vấn	1.147.990.322	1.756.545.905
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.134.824.666	1.531.834.833
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	253.162.300	(10.790.943.893)
Chi phí trả lãi cho nhà đầu tư	-	2.255.898.617
Chi phí lãi vay	-	18.107.312.492
Chi phí trực tiếp chung	10.303.801.841	21.022.823.885
Chi phí khác	-	5.786.027.778
	19.496.707.339	54.931.748.237

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.579.266.294	6.875.996.253
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	191.781.818	286.059.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	258.244.918	223.874.286
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.989.579.116	2.594.934.855
Chi phí khác bằng tiền	242.272.800	706.356.380
	9.267.144.946	10.691.221.758

18 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.849.846.406	31.248.304.972
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(748.352.400)	(3.588.308.125)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(748.352.400)	(566.352.310)
- <i>Khoản hoàn nhập dự phòng (đã bị loại ra khi tính thuế TNDN năm 2013 theo biên bản kiểm tra của Tổng cục thuế)</i>	-	(3.021.955.815)
Tổng thu nhập tính thuế	9.101.494.006	27.659.996.847
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	2.002.328.681	6.085.199.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.283.789.163	(161.834.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.118.826.942)	(2.169.160.722)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	1.167.290.902	3.754.203.852

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.847.517.725	25.163.105.666
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.847.517.725	25.163.105.666
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	131	839

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

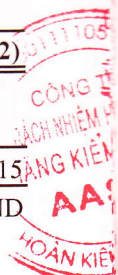
Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	202.344.741.369	-	377.272.511.351	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	541.081.651.975	(43.154.131.542)	403.483.836.216	(43.320.931.542)
Đầu tư ngắn hạn	33.144.826.628	(453.260.000)	32.627.027.904	(33.297.700)
	776.571.219.972	(43.607.391.542)	813.383.375.471	(43.354.229.242)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	117.422.613.953	155.927.255.093
Chi phí phải trả	800.470.500	746.472.544
	118.223.084.453	156.673.727.637

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	202.344.741.369	-	-	202.344.741.369
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	497.927.520.433	-	-	497.927.520.433
Đầu tư ngắn hạn	32.691.566.628	-	-	32.691.566.628
	732.963.828.430	-	-	732.963.828.430



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	377.272.511.351	-	-	377.272.511.351
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	360.162.904.674	-	-	360.162.904.674
Đầu tư ngắn hạn	32.593.730.204	-	-	32.593.730.204
	770.029.146.229	-	-	770.029.146.229

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	117.422.613.953	-	-	117.422.613.953
Chi phí phải trả	800.470.500	-	-	800.470.500
	118.223.084.453	-	-	118.223.084.453
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	155.927.255.093	-	-	155.927.255.093
Chi phí phải trả	746.472.544	-	-	746.472.544
	156.673.727.637	-	-	156.673.727.637

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNGTầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Cổ đông lớn
Ngân hàng TMCP Đại Dương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	Công ty cùng tập đoàn
Vũ Hồng Sơn	Cổ đông lớn
Nguyễn Thị Phương Thảo	Cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>6 tháng</u> <u>đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng</u> <u>đầu năm 2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại dương		
- Doanh thu phí lưu ký	63.947.648	49.950.591
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	1.073.980.689	397.295.115
- Doanh thu tư vấn	45.454.545	90.909.091
- Lãi tiền gửi	121.908.201	525.184.565
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương		
- Doanh thu phí lưu ký	149.112.387	31.745.834
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	85.280.927	175.051.525
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		
- Doanh thu phí lưu ký	15.961.300	37.928.050
- Doanh thu tư vấn	50.000.000	50.000.000
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	75.086.498	-
- Chi phí thuê nhà, điện nước và phí bảo vệ	241.753.017	1.746.905.602
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	22.000.000	172.000.000
Khách hàng ứng trước		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	25.000.000	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	-	302.305.094
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	544.880.000	544.880.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

 CHỨC NĂNG KIỂM TRA

 AAS

 KIỂM TRA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

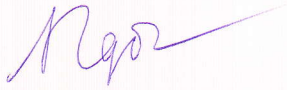
Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

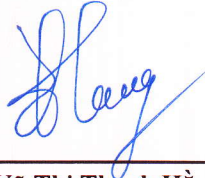
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014



Nguyễn Thanh Nga
Người lập



Vũ Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGÀN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
Chứng khoán thương mại			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán niêm yết										
- ACB	81	81	1.134.578	1.134.578	525.922	112.822	(473.415.917)	(22.729.710)	1.660.500	1.247.400
- ADC	49	49	254.600	254.600	1.396.700	847.900	-	-	1.651.300	1.102.500
- APP	9	9	122.500	122.500	5.300	1.700	-	-	127.800	124.200
- ARM	15	15	264.000	264.000	126.000	117.000	-	-	390.000	381.000
- BCC	50	50	490.000	490.000	260.000	255.000	-	-	750.000	745.000
- BKC	62	62	958.960	958.960	-	-	(90.960)	(376.160)	868.000	582.800
- CAN	50	50	855.800	855.800	1.069.200	319.200	-	-	1.925.000	1.175.000
- CSC	6	6	132.900	132.900	-	-	(12.900)	(46.500)	120.000	86.400
- CTA	55	55	633.350	633.350	-	-	(429.850)	(413.350)	203.500	220.000
- CTN	82	82	857.671	857.671	-	-	(562.471)	(390.271)	295.200	467.400
- CVT	48	48	894.616	894.616	161.384	242.984	-	-	1.056.000	1.137.600
- DCS	66	66	860.098	860.098	-	-	(576.298)	(510.298)	283.800	349.800
- DNY	7	7	110.720	110.720	-	-	(66.620)	(73.620)	44.100	37.100
- EPI	42	42	336.000	336.000	12.600	-	-	(71.400)	348.600	264.600
- EID	85	85	636.000	636.000	503.000	503.000	-	-	1.139.000	1.139.000
- FIT	47	-	564.000	-	37.600	-	-	-	601.600	-
- HJS	38	38	273.435	273.435	228.165	182.565	-	-	501.600	456.000
- HLY	33	33	1.293.600	1.293.600	-	-	(1.016.400)	(963.600)	277.200	330.000
- HMH	40	40	576.000	576.000	296.000	496.000	-	-	872.000	1.072.000
- HNM	30	30	225.000	225.000	156.000	162.000	-	-	381.000	387.000
- HPC	38	38	256.462	256.462	-	-	(112.062)	(77.862)	144.400	178.600
- HTP	60	60	945.000	945.000	-	-	(219.000)	(405.000)	726.000	540.000
- ICG	57	57	397.203	397.203	13.197	70.197	-	-	410.400	467.400
- ITQ	26	126	1.105.800	5.358.800	-	-	(843.200)	(1.704.800)	262.600	3.654.000
- KLF	38	-	252.200	-	10.000	-	-	-	262.200	-
- KLS	16	16	151.585	151.585	2.015	16.415	-	-	153.600	168.000
- LTC	72	-	460.800	-	-	-	(43.200)	-	417.600	-
- NAG	8	8	80.615	80.615	-	-	(19.015)	(31.815)	61.600	48.800



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGÂN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- NBC	82	82	885.900	885.900	196.500	40.700	-	-	1.082.400	926.600
- NST	17	17	220.500	220.500	-	-	(26.700)	(6.300)	193.800	214.200
- ONE	8	8	93.800	93.800	-	-	(5.800)	(23.400)	88.000	70.400
- PGT	51	51	530.300	530.300	-	-	(203.900)	(214.100)	326.400	316.200
- PLC	17	17	337.734	337.734	221.566	172.266	-	-	559.300	510.000
- PMS	40	40	680.000	680.000	-	-	(264.000)	(244.000)	416.000	436.000
- POT	36	20	381.200	174.800	907.400	732.100	(90.000)	(99.000)	4.179.600	3.995.300
- PSI	90	90	765.000	765.000	-	-	(90.000)	(99.000)	675.000	666.000
- PTI	67	67	568.300	568.300	470.200	476.900	-	-	1.038.500	1.045.200
- PVC	91	91	2.028.900	2.028.900	437.200	255.200	-	-	2.466.100	2.284.100
- PVI	98	98	1.952.972	1.952.972	-	-	(335.972)	(208.572)	1.617.000	1.744.400
- PVS	14	74	449.400	2.663.800	-	-	(72.800)	(673.200)	376.600	1.990.600
- QNC	82	82	8.465.746	8.465.746	-	-	(7.883.546)	(7.785.146)	582.200	680.600
- RCL	20	20	396.000	396.000	132.000	124.000	-	-	528.000	520.000
- SAF	3	3	118.800	118.800	16.200	1.200	-	-	135.000	120.000
- SCJ	62	62	313.100	313.100	244.900	306.900	-	-	558.000	620.000
- SCR	1	154	6.600	1.228.100	1.900	188.700	-	-	8.500	1.416.800
- SD2	99	99	2.095.100	2.095.100	-	-	(1.352.600)	(1.303.100)	742.500	792.000
- SD6	63	63	1.593.900	1.593.900	-	-	(680.400)	(648.900)	913.500	945.000
- SD9	44	44	914.082	914.082	-	-	(328.882)	(293.682)	585.200	620.400
- SDA	64	64	349.800	349.800	315.800	143.000	-	-	665.600	492.800
- SDD	40	40	191.903	191.903	-	-	(67.903)	(35.903)	124.000	156.000
- SDN	18	18	345.600	345.600	90.000	144.000	-	-	435.600	489.600
- SDT	78	78	672.000	672.000	435.600	552.600	-	-	1.107.600	1.224.600
- SGD	50	50	665.000	665.000	-	-	(135.000)	(165.000)	530.000	500.000
- SHB	55	68	432.200	522.100	18.800	28.700	-	-	451.000	550.800
- SHN	57	57	1.744.200	1.744.200	-	-	(986.100)	(1.521.900)	758.100	222.300
- SIC	40	40	976.000	976.000	-	-	(356.000)	(708.000)	620.000	268.000
- SJC	60	-	270.000	-	18.000	-	-	-	288.000	-
- SRB	1	1	1.700	1.700	400	1.400	-	-	2.100	3.100



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - 16 017 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGÂN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- STC	60	60	1.188.000	1.188.000	36.000	-	-	(120.000)	1.224.000	1.068.000
- TCT	40	40	493.000	493.000	2.075.000	2.483.000	-	-	2.568.000	2.976.000
- TH1	56	56	1.904.400	1.904.400	-	-	(711.600)	(980.400)	1.192.800	924.000
- TKC	14	14	195.000	195.000	1.000	-	-	(27.000)	196.000	168.000
- TPP	53	53	630.000	630.000	-	-	(9.900)	-	620.100	715.500
- TXM	25	25	186.500	186.500	38.500	38.500	-	-	225.000	225.000
- UNI	11	11	50.600	50.600	56.100	36.300	-	-	106.700	86.900
- VBC	50	50	1.265.000	1.265.000	735.000	715.000	-	-	2.000.000	1.980.000
- VC7	50	50	1.335.000	1.335.000	-	-	(885.000)	(910.000)	450.000	425.000
- VCG	30	30	379.900	379.900	28.100	1.100	-	-	408.000	381.000
- VCM	20	20	186.000	186.000	86.000	132.000	-	-	272.000	318.000
- VCR	10	10	33.000	33.000	5.000	-	-	-	38.000	33.000
- VND	3	99	40.900	1.405.800	1.100	-	-	(158.400)	42.000	1.247.400
- VTC	12	-	55.200	-	20.400	-	-	-	75.600	-
- APC	5	5	77.000	77.000	14.500	11.000	-	-	91.500	88.000
- BGM	8	8	39.200	39.200	-	-	(16.800)	(3.200)	22.400	36.000
- BMC	3	3	133.800	133.800	-	-	(67.500)	(54.000)	66.300	79.800
- BTB	3	3	151.384	151.384	-	-	(41.884)	(37.384)	109.500	114.000
- BVH	5	5	134.470	134.470	70.530	25.530	-	-	205.000	160.000
- CDC	3	3	125.642	125.642	-	-	(98.942)	(97.742)	26.700	27.900
- CMG	6	6	25.800	25.800	67.800	27.600	-	-	93.600	53.400
- CSM	6	6	253.800	253.800	-	4.200	(19.800)	-	234.000	258.000
- CTG	6	6	83.011	83.011	32.189	-	-	(211)	115.200	82.800
- DHC	5	5	89.579	89.579	32.921	13.421	-	-	122.500	103.000
- DIG	8	8	400.510	400.510	-	-	(304.510)	(295.710)	96.000	104.800
- ELC	6	6	210.600	210.600	-	-	(117.600)	(127.800)	93.000	82.800
- FCN	9	9	193.500	193.500	900	-	-	(7.200)	194.400	186.300
- GMD	6	6	120.000	120.000	66.600	53.400	-	-	186.600	173.400
- HAG	8	8	216.220	300.800	-	-	(64.220)	(124.000)	152.000	176.800
- HAP	4	4	70.000	70.000	-	-	(43.200)	(37.600)	26.800	32.400



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGẪN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- HAR	3	3	22.010	22.010	790	6.490	-	-	22.800	28.500
- HAX	4	4	24.400	24.400	11.600	10.400	-	-	36.000	34.800
- HHS	7	7	112.900	112.900	52.300	8.900	-	-	165.200	121.800
- HSG	8	8	264.840	107.200	75.160	272.800	-	-	340.000	380.000
- HT1	2	2	21.200	21.200	24.400	13.600	-	-	45.600	34.800
- ITA	4	4	51.500	51.500	-	-	(25.500)	(19.500)	26.000	32.000
- LSS	5	5	53.000	53.000	-	-	(1.000)	(5.500)	52.000	47.500
- MBB	3	3	126.898	126.898	-	-	(81.598)	(87.598)	45.300	39.300
- MCG	5	5	154.060	154.060	-	-	(126.060)	(122.060)	28.000	32.000
- NSC	8	8	244.300	244.300	531.700	395.700	-	-	776.000	640.000
- PET	2	2	39.800	39.800	-	1.600	(5.200)	-	34.600	41.400
- PGC	7	7	70.910	70.910	28.490	24.290	-	-	99.400	95.200
- PIT	4	4	27.200	27.200	4.800	4.000	-	-	32.000	31.200
- PPC	2	2	84.000	84.000	4.150	13.416	(453.260.000)	-	172.400	93.000
- PVD	3	3	36.084	36.084	-	5.916	(14.784)	-	36.000	42.000
- PVT	4	4	103.450	103.450	4.150	-	(84)	-	107.600	-
- RIB	3	3	43.500	43.500	-	7.500	(14.700)	-	28.800	51.000
- SHI	4	4	34.000	34.000	13.600	-	(4.000)	-	47.600	30.000
- SJD	2	2	30.400	30.400	28.400	32.600	-	-	58.800	63.000
- SJS	5	5	325.000	325.000	-	-	(214.000)	(199.500)	111.000	125.500
- SRC	3	3	71.400	71.400	3.300	30.600	-	-	74.700	102.000
- STB	7	7	129.800	129.800	400	-	(26.100)	(3.800)	130.200	126.000
- SVC	3	3	84.300	84.300	-	-	(26.100)	(36.300)	58.200	48.000
- TCM	3	3	92.780	92.780	9.520	47.423.700	-	-	102.300	2.160.096.000
- TLH	5	5	42.500	42.500	-	2.000	(11.500)	-	31.000	44.500
- TMP	9	9	85.500	85.500	175.500	172.800	-	-	261.000	258.300
- VCB	5	5	128.000	128.000	116.000	360.031.500	-	-	244.000	3.190.159.500
- VIC	5	5	423.140	423.140	-	-	(205.640)	(184.640)	217.500	238.500
- VIP	7	7	67.600	67.600	10.800	23.400	-	-	78.400	91.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGẪN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- VPH	4	4	45.820	45.820	4.580	-	-	(3.820)	50.400	42.000
- OCHI	30	30	612.000	612.000	-	141.000	(282.000)	-	330.000	753.000
- ĐQC	-	9	-	175.700	-	323.800	-	-	-	499.500
- PVX	-	50	-	286.466	-	-	-	(46.466)	-	240.000
- SSI	-	-	560.000	14.909.000.000	-	491.000.000	-	-	-	15.400.000.000
- VSH	-	-	1.000.000	12.700.000.000	-	800.000.000	-	-	-	13.500.000.000
- MHC	-	5	-	41.000	-	-	-	(41.000)	-	-
Chương khoản Upcom										
- MIC	23	23	7.412.290	7.412.290	-	-	(6.698.090)	(6.779.890)	714.200	632.400
- S96	75	75	1.302.000	1.302.000	-	-	(1.099.600)	(1.099.600)	202.400	202.400
- SD1	50	50	2.827.500	2.827.500	-	-	(2.692.500)	(2.640.000)	135.000	187.500
- STL	50	50	585.000	585.000	-	-	(440.000)	(435.000)	145.000	150.000
- VSP	50	50	995.000	995.000	-	-	(840.000)	(995.000)	155.000	-
- VST	1	1	1.695.000	1.695.000	-	-	(1.620.000)	(1.605.000)	75.000	90.000
Chương khoản hủy niêm yết										
- ALP	2	2	2.885.800	2.885.800	-	-	(5.990)	(5.290)	1.800	2.500
- CTM	55	55	12.800	12.800	-	-	(2.802.000)	(2.653.500)	83.800	232.300
- MCV	8	8	610.000	610.000	-	-	(6.000)	(6.000)	6.800	6.800
- SME	8	8	139.000	139.000	-	-	(533.000)	(384.500)	77.000	225.500
- SME	90	90	139.000	139.000	-	-	(139.000)	(139.000)	-	-
			2.124.000	2.124.000	-	-	(2.124.000)	(2.124.000)	-	-
			33.144.826,628	32.627.027,904	11.865,279	1.709,321,496	(482,916,007)	(32,163,100)	32,677,662,700	34,308,015,800

